

BÀI 9: VĂN HỌC VÀ CUỘC ĐỜI

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 9: VĂN HỌC VÀ CUỘC ĐỜI		8
ĐỌC		5
	Đọc hiểu văn bản 1: <i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu)	2
	Đọc hiểu văn bản 2: <i>Trở về</i> (Trích <i>Ông già và biển cả</i> Ô-nít Hê-minh-uê)	1
	Đọc hiểu văn bản 3: <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> (Lưu Quang Vũ)	
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	Giữ gìn và phát triển tiếng Việt	1
VIẾT	Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội	2
NÓI VÀ NGHE:	Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước	1
	THỰC HÀNH ĐỌC : <i>Khúc đồng quê</i> (trích <i>Cô bé nhìn mưa</i> - Đặng Thị Hạnh)	

A. MỤC TIÊU

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Năng lực đặc thù	- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản. - Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản. - Có nhận thức đúng về sự giữ gìn và phát triển tiếng Việt để sử dụng phù hợp với chuẩn ngôn ngữ, góp phần làm cho tiếng nói của dân tộc đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giáo tiếp. - Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội. - Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình.
II. PHẨM CHẤT: Biết sống chủ động, lạc quan và vượt lên mọi nghịch cảnh để khẳng định niềm tin vào cuộc đời.	

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Phiếu học tập, phiếu đánh giá, biên bản làm việc nhóm.
- Giấy roki kích cỡ A1, bút màu, kéo, băng dán giấy.
- Tivi, máy tính

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu về truyện, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ngày soạn:	Tiết Đọc hiểu văn bản:
Ngày dạy:	VĂN BẢN 1: VỘI VÀNG
	(2,0 tiết) - XUÂN DIỆU-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

* Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

* Năng lực đặc thù:

* Năng lực đặc thù:

- Nắm được những nét chung về tác giả Xuân Diệu và tác phẩm “Vội vàng”.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản “Vội vàng”.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản “Vội vàng”.
- Biết đọc hiểu một bài thơ qua văn bản “Vội vàng”.

2. Về phẩm chất

- HS biết trân trọng những vẻ đẹp sâu kín, vô hình của tạo vật và thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

HS xem video <https://fb.watch/xhfujoPcW1/>

- Chia sẻ những cảm nhận của em về thời gian

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS xem video và chia sẻ cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- **Giáo viên dẫn dắt:** Harvey MacKay đã từng nói: “Thời gian miễn phí, nhưng nó vô giá. Bạn không thể sở hữu nó, nhưng bạn có thể sử dụng nó. Bạn không thể giữ nó, nhưng bạn có thể tiêu nó. Một khi bạn đánh mất nó, bạn không bao giờ có thể

lấy lại.” Tiết học hôm nay, cô và các em hãy cùng chia sẻ với cảm nhận rất đỗi tinh tế về thời gian của Xuân Diệu – tác gia văn học được mệnh danh là “Nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới” qua bài thơ “Vội vàng”

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Giúp HS tìm hiểu phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản; phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản, tác giả Xuân Diệu và bài thơ “Vội vàng”.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tri thức ngữ văn Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu đọc, nghiên cứu SGK trang 91,92 (đã đọc ở nhà) Hoàn thành phiếu học tập số 1 GV chia lớp thành 4 nhóm và các nhóm Hoàn thành PHT số 1 Nối các cột sau cho phù hợp. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ Hoàn thành PHT số 1 Bước 3: Báo cáo kết quả - HS đối chiếu HT giữa các nhóm - GV trình chiếu kết quả - Các nhóm đối chiếu đáp án và báo cáo kết quả. Bước 4: Đánh giá, kết luận	I. TRI THỨC NGỮ VĂN 1. Giá trị của tác phẩm văn học 2. Chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học

GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức về Giá trị của tác phẩm văn học và chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học.		
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
1. Giá trị của tác phẩm văn học		
a. Giá trị nhận thức		1. Văn học là một thành tố quan trọng của văn hóa. Thông qua văn học, người đọc hiểu được lời ăn tiếng nói, lối sống, cách nghĩ, truyền thống và phong tục, quan niệm về giá trị,... của một cộng đồng. Văn học vừa góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, vừa không ngừng tìm tòi, phát hiện và sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới.
b. Giá trị giáo dục		2. Văn học giúp định hướng lí tưởng thẩm mĩ, mài sắc giác quan thẩm mĩ của con người. Nhờ tiếp xúc với ngôn từ và hình tượng giàu tính thẩm mĩ, thể hiện rõ lí tưởng thẩm mĩ của tác giả, người đọc biết rung động trước cái đẹp, biết thẩm định, thưởng thức cái đẹp nghệ thuật và biết phát hiện ra cái đẹp trong cuộc sống.
c. Giá trị thẩm mĩ		3. Văn học tác động sâu sắc đến nhân sinh quan của người đọc. Qua việc tạo nên những hình tượng nghệ thuật giàu sức hấp dẫn, văn học giúp con người thể nghiệm, đồng cảm với những nhân vật, tình huống trong tác phẩm, khơi dậy những cảm xúc tốt đẹp như sự ngưỡng mộ trước cái đẹp, cái cao cả, sự căm phẫn trước cái xấu, cái ác. Bằng cách đánh thức sự tự suy ngẫm, văn học khiến con người tự chuyển hóa, tự hoàn thiện bản thân.
d. Giá trị văn hóa		4. Văn học mang lại những tri thức tổng hợp về cuộc sống, mở rộng hiểu biết của người đọc về nhiều lĩnh vực khác nhau: chính trị, lịch sử, địa lí, văn hóa, phong tục,...

2. Chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học		
e. Chủ đề		6. Sự lí giải chủ đề là lập trường, quan điểm mà dựa trên đó nhà văn cắt nghĩa các tình huống, sự kiện, nhân vật,...
f. Tư tưởng		5. Cảm hứng là cảm xúc mãnh liệt, được dồn nén cao độ, thúc đẩy hành động sáng tạo của nhà văn.
g. Sự lí giải chủ đề		8. Chủ đề là vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn biểu đạt, là tư tưởng quán xuyến trong tác phẩm. Chủ đề thể hiện sự tìm tòi, phát hiện về cuộc sống và chiều sâu tư tưởng, cá tính sáng tạo của nhà văn. Chủ đề, tư tưởng được coi là lớp nội dung chủ quan của tác phẩm, thể hiện rõ cách tiếp cận, sự suy ngẫm, đánh giá, xúc cảm riêng của mỗi nhà văn về phạm vi và các vấn đề đời sống được đề cập trong tác phẩm.
h. Cảm hứng		7. Tư tưởng là sự nhận thức, lí giải của nhà văn về đời sống, được bộc lộ qua cách lựa chọn đề tài, tổ chức hình tượng, sử dụng ngôn từ trong tác phẩm,.. Tư tưởng được biểu hiện qua hai bình diện: sự lí giải chủ đề và cảm hứng.
Đáp án: a-4 b-3 c-2 d-1 e-8 f-7 g-6 h-5		
Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tác giả Xuân Diệu, tác phẩm “Vội vàng”. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV phát vấn		3. Tác giả Xuân Diệu - Xuân Diệu (1916 - 1985), quê cha Hà Tĩnh, quê mẹ tỉnh Bình Định - Tác phẩm chính: <i>Thơ thơ</i> (1938), <i>Gửi hương cho gió</i> (1945), <i>Riêng chung</i>

? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Xuân Diệu và bài thơ “Vội vàng”.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi 2-3 HS trả lời

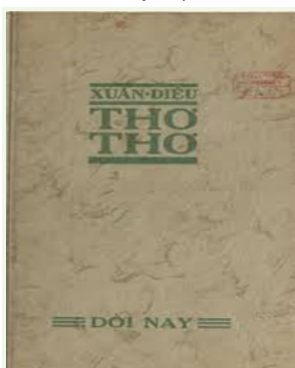
Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức về tác giả Xuân Diệu và bài thơ “Vội vàng”.

Một số hình ảnh về tác giả và tác phẩm



Xuân Diệu(1916 - 1985)



(1960), *Tôi giàu đôi mắt* (1970), *Trường ca* (1945), *Phấn thông vàng* (1939), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (1981, 1982) ...

- Phong cách sáng tác:

+ Xuân Diệu đã đem đến cho thơ ca đương thời sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện quan niệm sống mới mẻ cùng những cách tân nghệ thuật sáng tạo

+ Giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời.

=> Xuân Diệu là “nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới”, có nhiều đóng góp xuất sắc cho nền thơ ca cách mạng Việt Nam từ sau 1945.



GV mở rộng

1. “Xuân Diệu là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tâm lòng trần gian.” (Thế Lữ - Lời tựa Thơ thơ)
2. “Nhà thơ Xuân Diệu chết, tôi tìm lại được một mảnh đời văn chương của mình.” (Nguyễn Tuân)
3. “Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn người đều nồng nàn tha thiết.” (Hoài Thanh)

3. Bài thơ “Vội vàng”

* **Xuất xứ:** Trích trong tập “Thơ thơ” (1938) - tập thơ đầu tay của Xuân Diệu và cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – *Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới.*

* **Nhan đề:**

- Nhan đề “Vội vàng”

- Nhan đề “Vội vàng” có ý nghĩa khái quát một quan niệm nhân sinh mới mẻ, tích cực của nhà thơ Xuân Diệu:

+ Đó là một thái độ sống gắn bó, yêu quý cuộc đời, biết tận hưởng tất cả những vẻ đẹp, những giá trị của cuộc sống trần gian.

+ “Vội vàng” không đồng nghĩa với lối sống chỉ biết đến hưởng thụ, ích kỉ, sống nhanh, sống gấp đề cao vật chất mà mà phải biết tận hưởng một cách cao cả, tận hưởng đi cùng với nâng niu, sáng tạo và tận hiến cho đời.

+ Nhan đề “Vội vàng” cũng gián tiếp phê phán thái độ sống, thờ ơ, lãng quên, trốn tránh thực tại...

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Hướng dẫn HS tìm hiểu bài thơ *Vội vàng* (Xuân Diệu)
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản; phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ bài thơ “Vội vàng”.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM																												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 05 phút - Nhóm 1: Tìm hiểu Khổ 1: 4 câu thơ lời đề từ – Hoàn thành PHT số 01 <table border="1"><thead><tr><th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP 01</th></tr><tr><th colspan="3">Khổ 1 : Lời đề từ</th></tr><tr><th>Động từ</th><th>Các biện pháp tu từ</th><th>Hình ảnh</th></tr></thead><tbody><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td colspan="3">-Nhịp điệu: - Tâm trạng nhân vật trữ tình:</td></tr></tbody></table> - Nhóm 2: Tìm hiểu khổ 2– Hoàn thành PHT số 02 <table border="1"><thead><tr><th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP 02</th></tr><tr><th colspan="3">Khổ 2: Bức tranh mùa xuân</th></tr><tr><th>Hình ảnh</th><th>Trật tự các hình ảnh có ý nghĩa gì?</th><th>Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật</th></tr></thead><tbody><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></tbody></table>		PHIẾU HỌC TẬP 01			Khổ 1 : Lời đề từ			Động từ	Các biện pháp tu từ	Hình ảnh				-Nhịp điệu: - Tâm trạng nhân vật trữ tình:			PHIẾU HỌC TẬP 02			Khổ 2: Bức tranh mùa xuân			Hình ảnh	Trật tự các hình ảnh có ý nghĩa gì?	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật				II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN Tọa đàm: MÙA XUÂN- TÌNH YÊU TUỔI TRẺ-THỜI GIAN 1. Lời đề từ :(Khổ 1) - Động từ: tắt, buộc, bay - Biện pháp: Điệp từ: “Tôi muốn” - Nhân vật trữ tình xưng: “tôi” - Hình ảnh: nắng , gió - Nhịp điệu chậm rãi, thông thả, thể hiện tâm trạng ung dung, tự tại của tác giả trước cảnh sắc thiên nhiên. Nhận xét: Lời đề từ cho thấy một cái tôi khát khao được sống được tận hưởng mọi vẻ đẹp của cuộc đời 2. Bức tranh mùa xuân (Khổ 2) * Đó là một khung cảnh mùa xuân tràn đầy sức sống: - Hình ảnh: ong bướm, tuần tháng mật, hoa của đồng nội, lá của cành tơ, yến anh, khúc tình si, ánh sáng chớp hàng mi. - Màu sắc: rực rỡ của mùa xuân - Âm thanh: tiếng chim hót, tiếng gió Nhận xét: Bức tranh thiên nhiên + Rực rỡ, tươi đẹp, tràn đầy sức sống: ong bướm, tuần tháng mật, hoa, lá, yến anh, khúc tình si, ánh sáng... + Tượng trưng cho tình yêu, tuổi trẻ và cuộc sống: mùa xuân, yến anh, cánh đồng...	
PHIẾU HỌC TẬP 01																														
Khổ 1 : Lời đề từ																														
Động từ	Các biện pháp tu từ	Hình ảnh																												
-Nhịp điệu: - Tâm trạng nhân vật trữ tình:																														
PHIẾU HỌC TẬP 02																														
Khổ 2: Bức tranh mùa xuân																														
Hình ảnh	Trật tự các hình ảnh có ý nghĩa gì?	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật																												

- Nhịp điệu: - Sự cảm nhận về thời gian:..... - Tâm trạng.....	- Cảm nhận về thời gian của nhân vật trữ tình. + Thời gian trôi qua một cách nhanh chóng: "Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua / Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già". + Thời gian là hữu hạn và không thể nào níu giữ: "Còn trời đất, chẳng còn tôi mãi / Nên vội vàng làm tất cả những gì phải làm". + Sự trôi chảy của thời gian khiến con người cảm thấy nuối tiếc, tiếc nuối tuổi xuân, tiếc nuối những gì đã qua: "Mỗi năm một tuổi như đuôi xuân đi / Hết tuần trăng mật, chẳng còn nguyên vẹn". - Nhịp điệu nhanh, dồn dập, thể hiện sự vội vã, mong muốn níu giữ thời gian của tác giả. - Cái nhìn thế giới của tác giả: + Yêu đời, say mê cuộc sống, trân trọng từng khoảnh khắc. + Có ý thức về sự ngắn ngủi của thời gian. + Nhanh nhạy, tinh tế trong cảm nhận. * Nhận xét về cách nhìn thế giới của tác giả: + Xuân Diệu nhìn thế giới trong sự vận động phát triển, thời gian là tuyến tính một đi không trở lại. + Cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ có nét mới mẻ, độc đáo so với cảm nhận về thời gian trong thơ trữ tình trung đại. Quan niệm về thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ "Vội Vàng" đã						
- Nhóm 3: Tìm hiểu khổ 3 – Hoàn thành PHT số 03 PHIẾU HỌC TẬP 03 Khổ 3: Triết lí sống <table><tr><td>Hình ảnh</td><td>Giọng điệu</td><td>Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> - Nhịp điệu:..... - Quan niệm về tình yêu tuổi trẻ..... - Triết lí sống:.....	Hình ảnh	Giọng điệu	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật				
Hình ảnh	Giọng điệu	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật					
- Nhóm 4: Tìm hiểu quan niệm về thời gian- tuổi trẻ – Hoàn thành PHT số 04 PHIẾU HỌC TẬP 04 Quan niệm về thời gian- tuổi trẻ <table><tr><td>Thời gian</td><td>Tuổi trẻ</td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table> -Nghệ thuật thể hiện..... - Nhận thức của bản thân về thời gian- tuổi trẻ.	Thời gian	Tuổi trẻ					
Thời gian	Tuổi trẻ						

Mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ 	thể hiện rõ tâm trạng của thế hệ trẻ trước Cách mạng tháng Tám. Quan điểm này đã ảnh hưởng sâu sắc đến thơ ca Việt Nam hiện đại, làm phong phú thêm cảm xúc và tạo ra một cái nhìn mới về cuộc sống. Đó là một quan niệm mang tính triết học sâu sắc. * Nhận xét khái quát về nhân vật trữ tình: Nhân vật trữ tình trong bài thơ "Vội Vàng" là một người trẻ với tâm hồn yêu đời, đam mê sống, say đắm trước vẻ đẹp của cuộc sống. 3. Đặc sắc nghệ thuật và các giá trị của bài thơ: - Giọng điệu của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Vội Vàng” đã tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt khiến người đọc đồng cảm với những suy tư, trăn trở của nhân vật trữ tình đồng thời thôi thúc mọi người trân trọng thời gian và cuộc sống. - Chủ đề, tư tưởng: Tác phẩm bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết đồng thời thể hiện sự nuối tiếc về kiếp người và thời gian. Cuối cùng là lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng tuổi trẻ và cuộc đời. - Thông điệp: về mùa xuân thời gian tuổi trẻ yêu đời yêu cuộc sống nơi trần thế. - Giá trị nhận thức: Giúp người đọc nhận thức đầy đủ nhất về thời gian, tuổi trẻ chỉ đến một lần và ra đi vĩnh viễn. Vậy nên hãy biết trân trọng từng phút giây, từng khoảnh khắc của cuộc sống hiện tại.
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm nội dung các PHT số 01,02,03,04 theo phân công. - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức báo cáo sản phẩm thảo luận theo hình thức toạ đàm với chủ đề: “Mùa xuân- tuổi trẻ - thời gian” - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt quá trình báo cáo sản phẩm của các nhóm. - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện. - GV quan sát, khích lệ HS Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm.	

	- Giá trị giáo dục: Giáo dục về tình yêu cuộc sống thiên nhiên vạn vật, trân trọng những vẻ đẹp của cuộc đời. - Giá trị thẩm mỹ: Yêu cái đẹp của cuộc sống. - Mạch vận động cảm xúc trong bài thơ: Nhân vật trữ tình trong bài thơ "Vội Vàng" thể hiện sự thay đổi trong quan niệm về thời gian, từ say mê, cuồng nhiệt đến lo lắng, trăn trở và nuối tiếc. Có sự đối lập giữa vẻ đẹp rực rỡ, tươi tắn của thiên nhiên và sự trôi chảy nhanh chóng của thời gian, đồng thời tồn tại mâu thuẫn trong nội tâm giữa khao khát tận hưởng cuộc sống và nỗi nuối tiếc trước sự trôi đi của thời gian. Đây là hình tượng tiêu biểu cho thơ ca mới Việt Nam, phản ánh quan niệm sống và tâm trạng của thế hệ trẻ trước Cách mạng tháng Tám.
	4. Quan niệm của Xuân Diệu về thời gian- tình yêu - tuổi trẻ - Quan niệm của Xuân Diệu về tình yêu và tuổi trẻ: Quan điểm về cuộc sống, tình yêu và tuổi trẻ của Xuân Diệu được mô tả như một bức tranh sắc sảo, nổi bật và đầy năng lượng. Cuộc sống được tưởng tượng là đẹp đẽ và tràn đầy sức sống, tình yêu được miêu tả là nồng nàn và mãnh liệt, còn tuổi trẻ được cho là ngắn ngủi và đòi hỏi phải sống vội vã để tận hưởng. - Triết lí sống cái tôi cá nhân của Xuân Diệu trong bài thơ "Vội Vàng" đó là thể hiện sự vội vã và lo lắng trước sự trôi qua

	của thời gian, đồng thời mong muốn tận hưởng từng khoảnh khắc. - Nhận xét: Quan điểm và triết lí sống của Xuân Diệu vẫn còn nguyên giá trị cho tới ngày nay vì nó phản ánh tâm lý của con người hiện đại, đặc biệt là giới trẻ. Trong thế giới diễn ra nhanh chóng hiện nay, việc sống vội vàng để bắt kịp là điều cần thiết. Tuổi trẻ được coi là khoảng thời gian quý báu nhất, và việc tận hưởng nó đầy đủ là điều cần thiết.
--	--

Rubric 1. Đánh giá hoạt động nhóm

Cấp độ Tiêu chí	Tốt (4 điểm)	Khá (3 điểm)	Trung bình (2 điểm)	Cần điều chỉnh (1 điểm)
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của	Thường tôn trọng ý kiến	Tôn trọng ý kiến của	Không tôn trọng ý kiến

	những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

2.3. Hướng dẫn Tổng kết

a. **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. **Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: <i>? Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. TỔNG KẾT 1. Nghệ thuật - Ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo, mới mẻ. Xuân Diệu sử dụng ngôn từ và hình ảnh sắc nét để thể hiện tâm trạng của nhân vật và gợi lên ý nghĩa sâu sắc về thời gian và cuộc sống. - Xây dựng, hình ảnh thơ giàu ý nghĩa biểu tượng => Tạo nên sự độc đáo, mới mẻ, hấp dẫn cho bài thơ; 2. Ý nghĩa văn bản Bài thơ thể hiện một triết lí sống sâu sắc của một cái tôi ý thức về sự quý giá của thời gian tình yêu tuổi trẻ. Và cuộc sống của mỗi người

GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	là sự vận động phát triển trên một đường thẳng tuyến tính vậy nên hãy biết trân trọng từng phút giây biểu nâng niu từng vẻ đẹp của cuộc đời. 3. Cách đọc hiểu văn bản thơ Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ. - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có). - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ. - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ. - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.
---	---

	- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ. Vận dụng cao: - Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ. - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: So sánh tương đồng về nội dung và nghệ thuật giữa bài thơ “Vội vàng” và “Đây mùa thu tới” của Xuân Diệu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ học tập: - Nêu và lí giải một số điểm khác nhau về nội dung và nghệ thuật giữa bài thơ “Vội vàng” và “Đây mùa thu tới” của Xuân Diệu - Hình thức: Phỏng vấn chuyên gia. Cử 01 HS làm MC, 02 HS là chuyên gia (01 là nhà nghiên cứu thơ ca trung đại; 01 là nhà nghiên cứu thơ ca hiện đại), các HS còn lại là khán giả. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ.	Điểm khác nhau giữa bài thơ “Vội vàng” và “Đây mùa thu tới” (Xuân Diệu)		
	Tiêu chí	Vội vàng	Đây mùa thu tới
	Chủ đề	Bài thơ bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết đồng thời thể hiện sự nuối tiếc về kiếp người và	Bài thơ là một bức tranh thu với những biến thái tinh vi nhất, những rung cảm sâu xa của lòng người trong

- MC: Xin chào mừng quý vị đã đến với trường quay của chúng ta. Kính thưa quý vị! Xuân Diệu được mệnh danh là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới. Vậy cái mới ấy của Xuân Diệu thể hiện như thế nào trong tác phẩm của ông. Chúng ta cùng nhau tìm câu trả lời trong buổi tọa đàm hôm nay. Buổi tọa đàm hôm nay chúng ta gặp gỡ trao đổi với GS A người đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về Thơ Xuân Diệu - MC: Thưa GS A, xin bà cho biết những nét đặc sắc nào về nội dung và nghệ thuật khi miêu tả mùa thu trong “Đây mùa thu tới” của Xuân Diệu. .- GS A: Theo tôi, trong bài “Đây mùa thu tới” thì: + Chủ đề: Bài thơ là một bức tranh thu với những biến thái tinh vi nhất, những rung cảm sâu xa của lòng người trong thời khắc chuyển mùa. + Triết lí nhân sinh: + Tình: Âu lo trước sự biến chuyển của thời gian và nông nản với khao khát sống, kết đôi. + Ngôn ngữ: Vừa có sự hàm súc điêu luyện vừa có sự mới mẻ, hiện đại do Xuân Diệu ảnh hưởng từ thơ ca phương Tây: cách dùng từ, cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.		thời gian. Cuối cùng là lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng tuổi trẻ và cuộc đời.	thời khắc chuyển mùa. L à vẻ đẹp gợi cảm của đô thị; cảnh được miêu tả theo bước đi của thời gian. Mùa thu từng bước xâm chiếm toàn bộ thiên nhiên và lòng người.
	- Triết lí nhân sinh:	đó là thể hiện sự vội vã và lo lắng trước sự trôi qua của thời gian, đồng thời mong muốn tận hưởng từng khoảnh khắc.	Âu lo trước sự biến chuyển của thời gian và nông nản với khao khát sống, kết đôi.
	Ngôn ngữ	Xuân Diệu sử dụng ngôn từ và hình ảnh sắc	Vừa có sự hàm súc điêu luyện vừa có sự mới mẻ, hiện đại

- MC: Thừa GS A cùng trích trong tập “Thơ thơ” (1938) - tập thơ đầu tay của Xuân Diệu và cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – <i>Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới. Bài thơ “ Vội Vàng”</i> đã thể hiện một quan niệm nhân sinh mới mẻ, tích cực của nhà thơ Xuân Diệu. Bà có thể cho mấy lời nhận xét về những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?		nét để thể hiện tâm trạng của nhân vật và gợi lên ý nghĩa sâu sắc về thời gian và cuộc sống	do ảnh hưởng từ thơ ca phương Tây: cách dùng từ, cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.
- Chủ đề: Bài thơ bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết đồng thời thể hiện sự nuối tiếc về kiếp người và thời gian. Cuối cùng là lời giục giã cuồng quýt, vội vàng để tận hưởng tuổi trẻ và cuộc đời. - Triết lí nhân sinh: Triết lí sống cái tôi cá nhân của Xuân Diệu trong bài thơ "Vội Vàng" đó là thể hiện sự vội vã và lo lắng trước sự trôi qua của thời gian, đồng thời mong muốn tận hưởng từng khoảnh khắc. - Ngôn ngữ: Xuân Diệu sử dụng ngôn từ và hình ảnh sắc nét để thể hiện tâm trạng của nhân vật và gợi lên ý nghĩa sâu sắc về thời gian và cuộc sống. - MC: Vậy bà lí giải như thế nào về sự tương đồng trong chủ đề, triết lí nhân sinh và ngôn ngữ trong hai bài thơ? - GS A:	Lí giải	Xuân Diệu chịu ảnh hưởng trong cách cảm thụ về thế giới cũng như các thủ pháp nghệ thuật từ thơ ca phương Tây.	

Theo tôi, điều đó là do Xuân Diệu chịu ảnh hưởng trong cách thụ cảm về thế giới cũng như các thủ pháp nghệ thuật từ thơ ca phương Tây. Chính vì vậy mà Xuân Diệu được mệnh danh là “Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới” - MC: Xin trân trọng cảm ơn ý kiến chia sẻ của các chuyên gia. Bây giờ mời khán giả trong trường quay, có ai có câu hỏi gì dành cho các chuyên gia không ạ? - Khán giả:..... Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo trước lớp kết quả làm việc Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận GV nhận xét và chuẩn hóa kiến thức.	
---	--

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bài tập : Kỹ thuật Think – pair – share

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:

Yêu cầu: Bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu đã tác động như thế nào đến nhận thức của anh/chị về thời gian và tuổi trẻ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ độc lập, sau đó chia sẻ cặp với bạn bên cạnh, rồi chia sẻ với cả lớp.

- GV quan sát, khích lệ.

- GV cung cấp bảng đánh giá Rubric để định hướng tiêu chí cho HS:

Nhiệm vụ	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
.	Nội dung chia	Nội dung chia	Nội dung chia	Nội dung chia

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

Nội dung chia sẻ (7 điểm)	sẽ chi tiết, sinh động (7 - 6 điểm)	sẽ tương đối chi tiết (5- 4 điểm)	sẽ tuy đúng yêu cầu nhưng sơ sài (3 - 2 điểm)	sẽ không đúng yêu cầu (Dưới 1 điểm)
Hình thức chia sẻ (3 điểm)	Phong thái tự tin, giọng truyền cảm, có kết hợp ngôn ngữ cơ thể. (3 điểm)	Phong thái tương đối tự tin, giọng truyền cảm. (2 điểm)	Phong thái chưa tự tin trong trình bày (1 điểm)	HS lúng túng, nói ấp úng (0.5 điểm)
Tổng điểm				

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS chia sẻ.
- Các HS khác lắng nghe và đánh giá phần chia sẻ của bạn theo bảng tiêu chí Rubric được GV cung cấp.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá.

GV nhận xét, đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Sưu tầm thêm các bài thơ của Xuân Diệu đọc hiểu theo đặc trưng thể loại.
- **Chuẩn bị bài:** 3. GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo: VB2 *Trở về* (Trích *Ông già và biển cả* Ô-nít Hê-minh-uê)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

Tiết Đọc hiểu : VĂN BẢN 2: TRỞ VỀ

(Trích *Ông già và biển cả* Ô-nít Hê-minh-uê)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù:

- Nắm được những nét chung về tác giả *O-nit Hê-minh-uê* và tác phẩm *Ông già và biển cả*, đoạn trích *Trở về*
- Biết đọc hiểu một tiểu thuyết ngắn qua văn bản *Ông già và biển cả*, đoạn trích *Trở về*

2. Về phẩm chất

- HS biết trân trọng những vẻ đẹp sâu kín, vô hình của tạo vật và thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

HS xem vi deo

<https://youtu.be/DhOBZMrA9wM?si=OZGdYhCkAE9Pe06a&t=18>

- Chia sẻ những thông tin em nhận được từ video trên

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS xem vi deo và chia sẻ cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời cá nhân

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Những thông tin nhận được từ video trên

Giới thiệu tác giả - tác phẩm

Tóm tắt

6 bài học từ "Ông già và biển cả"

Để có được vận may, chính bản thân chúng ta cũng phải sẵn sàng

Giữ vững niềm hy vọng

Thử thách tối thượng

Đừng bỏ cuộc

Biết lượng sức mình

Cái quá tốt đẹp thì chẳng bền

- Giáo viên dẫn dắt vào bài:

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Giúp HS tìm hiểu tác giả Ô-nít Hê-minh-uê, tác phẩm *Ông già và biển cả* và đoạn trích *Trở về*

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tác giả tác phẩm và đoạn trích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc, nghiên cứu SGK trang 100,101 (đã đọc ở nhà) kết hợp với hiểu biết của em chia sẻ về tác giả Ô-nít Hê-minh-uê, tác phẩm <i>Ông già và biển cả</i> và đoạn trích <i>Trở về</i> - Tác giả - Tác phẩm - Đoạn trích: vị trí, bố cục, nhan đề. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS chia sẻ cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận	I. TÌM HIỂU CHUNG: 1. TÁC GIẢ - Ô-nít Hê-minh-uê (1899 – 1961), ông sinh ra trong một gia đình trí thức tại một vùng ngoại ô của Chicago. - Ô-nít Hê-minh-uê học tại trường trung học Oak Park and River Forest từ tháng 9 năm 1913 cho đến khi ông tốt nghiệp vào tháng 6 năm 1917. - Sau khi học trung học, Ô-nít Hê-minh-uê không muốn theo học đại học. Thay vào đó, ở tuổi mười tám, ông bắt đầu sự nghiệp viết của mình với tư cách là một phóng viên cho The Kansas City Star. - Trong suốt cuộc đời mình, ông đã sử dụng tên chỉ viết của tờ báo này để tạo

GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức	nên phong cách viết cho riêng mình: <i>“Sử dụng những câu văn ngắn. Sử dụng những đoạn mở đầu ngắn. Sử dụng thứ tiếng Anh hùng hồn. Phải khẳng định, không phủ nhận.”</i> 2. Sự nghiệp văn học a. Quan điểm sáng tác - Dù viết về đề tài nào ông cũng nhằm mục đích: <i>“Viết một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người”</i>. - Ông là người đề ra nguyên lý tảng băng trôi. b. Tác phẩm chính Ông để lại di sản văn học đồ sộ, gồm các tác phẩm tiêu biểu như: Mặt trời vẫn mọc, Giã từ vũ khí, Chuông nguyện hồn ai, Vườn địa đàng, Ông già và biển cả,... c. Vị trí và tầm ảnh hưởng Hemingway là nhà văn Mỹ nổi tiếng thế kỉ XX, người góp phần đổi mới lối viết truyện, tiểu thuyết của nhiều nhà văn trên thế giới. Năm 1954, ông được trao giải thưởng Nobel về văn học. 2. TÁC PHẨM: Ông già và biển cả và đoạn trích Trở về a. Xuất xứ và hoàn cảnh ra đời - Ra đời năm 1952, sau 10 năm ông sống ở Cu-ba. Đây là cuốn tiểu thuyết ngắn nhưng có ý nghĩa quan trọng nhất trong sự nghiệp của Hê-minh-uê, có ý nghĩa như di chúc nghệ thuật của ông. b. Bố cục
---	--

	- Phần 1 (từ đầu đến “nước bắn tung, trù lên cả ông lão lẫn con thuyền”): Cuộc chiến đấu của Xan-ti-a-gô - Phần 2 (còn lại): Hành trình Xan-ti-a-gô đưa con cá về bờ c. Tóm tắt Xan-ti-a-gô - ông lão đánh cá người Cu-Ba, sống cô độc và nghèo khổ trong túp lều cạnh bờ biển ngoài ô La-ha-ba-na. Vận đen đang bám riết lấy ông khi suốt tám mươi tư ngày không bắt được con cá nào ra hồn. Những người xung quanh chẳng còn tin vào cơ may của Xan-ti-a-gô, còn cậu bé Ma-nô-lin cũng bị cấm không được giao du với lão nữa. Ông quyết định ra khơi xa một mình, ông đến vùng nguy hiểm nhưng nhiều cá lớn. Một con cá kiếm khổng lồ mắc câu và ông lão bắt đầu cuộc săn đuổi con cá trong ba ngày liền. Đó là con cá kiếm lớn nhất và đẹp nhất ông từng thấy trong đời. Suốt mấy ngày, Xan-ti-a-gô tìm mọi cách để bám trụ và giữ con cá cho kì được. Cuối cùng, lão cũng cầm được mũi lao vào tim con cá và chinh phục được nó. Xan-ti-a-gô phấn chấn nghĩ đến những gì mà chiến lợi phẩm này mang lại khi trở về. Tuy vậy, mùi máu của con cá kiếm đã thu hút cả đàn cá mập đến rìa mồi. Khi ông đuổi được chúng, con cá kiếm chỉ còn là bộ xương trắng khổng lồ phía sau đuôi thuyền. Về đến túp lều,
--	---

	Xan-ti-a-gô hoàn toàn kiệt sức và ngủ thiếp đi. 3. ĐOẠN TRÍCH: * Vị trí: - Đoạn trích nằm ở cuối tác phẩm, kể về việc ông lão Xan-ti-a-gô đuổi theo và bắt được con cá kiếm. * Bố cục: Phần 1: Từ khởi đầu cho đến khi "mặt trời mọc": Mô tả cảnh ông lão trở về bến sau 84 ngày trên biển. Phần 2: Tiếp theo đến khi "đã ngủ thiếp đi": Trình bày cuộc trò chuyện giữa ông lão và Ma-nô-lin. Phần 3: Phần còn lại: Phản ứng của mọi người khi nhìn thấy bộ xương cá kiếm. * Nhan đề “Trở về” gợi suy nghĩ và liên tưởng: Cuộc đời mỗi người là một hành trình dài với những thăng trầm và thất bại. Sau mỗi lần vấp ngã, con người lại đứng dậy và tiếp tục bước đi. Nhan đề "Trở về" thể hiện niềm tin vào cuộc sống và con người.
--	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Giúp HS tìm hiểu phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản; phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản *Trở về* (Trích *Ông già và biển cả* O-nit Hê-minh-uê)

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM																																				
Thao tác 2: Hướng dẫn HS khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 05 phút - Nhóm 1: – Hoàn thành PHT số 01 <table><tr><th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP 01</th></tr><tr><th colspan="3">Không gian và thời gian ông lão trở về bến cảng; Tư thế nằm ngủ của nhân vật</th></tr><tr><th>Thời gian</th><th>Không gian</th><th>Tư thế nằm ngủ của nhân vật</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td colspan="3">- Nhận xét về bối cảnh:</td></tr></table> - Nhóm 2:– Hoàn thành PHT số 02 <table><tr><th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP 02</th></tr><tr><th colspan="3">Cuộc đối thoại giữa Xan- ti -a- go và Ma-nô-lin</th></tr><tr><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th><th></th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>		PHIẾU HỌC TẬP 01			Không gian và thời gian ông lão trở về bến cảng; Tư thế nằm ngủ của nhân vật			Thời gian	Không gian	Tư thế nằm ngủ của nhân vật				- Nhận xét về bối cảnh:			PHIẾU HỌC TẬP 02			Cuộc đối thoại giữa Xan- ti -a- go và Ma-nô-lin			Nội dung	Hình thức					II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Bối cảnh câu chuyện - Không gian: tối tăm, tịch mịch; lạnh lẽo bởi gió và sóng biển; xung quanh vắng tanh, tẻ nhạt. - Thời gian: vào đêm khuya, giao thoa giữa ngày và đêm. - Tư thế nằm ngủ của nhân vật - một tư thế gợi liên tưởng đến hình ảnh Chúa Giê - su (Jesus) trên cây thập giá. Đó là ẩn dụ cho biểu tượng của sự hy sinh, của niềm tin và hy vọng; của sự bình yên. 2. Hình tượng nhân vật Xan-ti-a-gô và Ma-nô-lin <table><tr><th colspan="2">* Cuộc đối thoại giữa Xan-ti-a-gô và Ma-nô-lin</th></tr><tr><td>Nội dung</td><td>Xoay quanh sự quan tâm, yêu thương của ông lão già dành cho một đứa trẻ hiểu chuyện. Đồng thời cũng có những lời khuyên và động viên, khích lệ của Ma-nô-lin dành cho ông lão.</td></tr><tr><td>Hình thức</td><td>Đối thoại trực tiếp. Ngôn ngữ đơn giản, mộc mạc nên tạo cảm giác gần gũi, gần bó</td></tr><tr><td>Mối quan hệ của 2 nhân vật</td><td>Thể hiện sự gần bó, lòng tin, và sự ngưỡng mộ giữa hai nhân vật. Họ đại diện cho hai thế hệ và chia sẻ những bài học quý giá về cuộc sống và nghề đánh cá.</td></tr></table>		* Cuộc đối thoại giữa Xan-ti-a-gô và Ma-nô-lin		Nội dung	Xoay quanh sự quan tâm, yêu thương của ông lão già dành cho một đứa trẻ hiểu chuyện. Đồng thời cũng có những lời khuyên và động viên, khích lệ của Ma-nô-lin dành cho ông lão.	Hình thức	Đối thoại trực tiếp. Ngôn ngữ đơn giản, mộc mạc nên tạo cảm giác gần gũi, gần bó	Mối quan hệ của 2 nhân vật	Thể hiện sự gần bó, lòng tin, và sự ngưỡng mộ giữa hai nhân vật. Họ đại diện cho hai thế hệ và chia sẻ những bài học quý giá về cuộc sống và nghề đánh cá.
PHIẾU HỌC TẬP 01																																						
Không gian và thời gian ông lão trở về bến cảng; Tư thế nằm ngủ của nhân vật																																						
Thời gian	Không gian	Tư thế nằm ngủ của nhân vật																																				
- Nhận xét về bối cảnh:																																						
PHIẾU HỌC TẬP 02																																						
Cuộc đối thoại giữa Xan- ti -a- go và Ma-nô-lin																																						
Nội dung	Hình thức																																					
* Cuộc đối thoại giữa Xan-ti-a-gô và Ma-nô-lin																																						
Nội dung	Xoay quanh sự quan tâm, yêu thương của ông lão già dành cho một đứa trẻ hiểu chuyện. Đồng thời cũng có những lời khuyên và động viên, khích lệ của Ma-nô-lin dành cho ông lão.																																					
Hình thức	Đối thoại trực tiếp. Ngôn ngữ đơn giản, mộc mạc nên tạo cảm giác gần gũi, gần bó																																					
Mối quan hệ của 2 nhân vật	Thể hiện sự gần bó, lòng tin, và sự ngưỡng mộ giữa hai nhân vật. Họ đại diện cho hai thế hệ và chia sẻ những bài học quý giá về cuộc sống và nghề đánh cá.																																					

			* Diễn biến tâm lí của nhân vật Xan-ti-a-gô. - Ban đầu: Mệt mỏi, kiệt sức, thất vọng. - Khi gặp Ma-nô-lin: Vui mừng, ấm áp. - Nhớ lại chiến công: Tự hào, kiêu hãnh. - Cuối cùng: Buồn ngủ, bình yên.	
- Mỗi quan hệ giữa hai nhân vật - Diễn biến tâm lí của Xan- ti -a- go			* Hành động “khóc” của Ma-nô-lin + Lần 1: Vui mừng vì ông lão đã trở về an toàn + Lần 2: Tự hào về ông lão.	
- Nhóm 3:– Hoàn thành PHT số 03			3, Thái độ của mọi người trước bộ xương của con cá kiếm	
PHIẾU HỌC TẬP 03 Thái độ của mọi người trước bộ xương			Thái độ của mọi người trước bộ xương của con cá kiếm	
Ma-nô-lin	Nhóm ngư dân	Chủ khách sạn và hai du khách	Ma-nô-lin	Thán phục và hiểu biết => cậu bé thán phục trước sự to lớn của bộ xương => nhận thức được sự to lớn của thiên nhiên.
.....			Nhóm ngư dân	Lời nói và hành động: + “Chưa bao giờ thấy con cá lớn như vậy”... + “Đáng tiếc cho con cá”... + “Ông lão đã làm rất tốt”, “Chúc ông may mắn trong những chuyến tiếp theo”... => Những lời nói và hành động vừa mang theo sự ngạc nhiên, thán phục vừa tiếc nuối và đồng cảm; đồng thời còn có sự khích lệ, động viên.
- Ngôn ngữ kể chuyện, ngôn ngữ đối thoại			Chủ khách sạn	thờ ơ và thực dụng => ông ta hoàn toàn thờ ơ trước con cá to lớn mà chỉ chăm chăm vào
- Nhóm 4: – Hoàn thành PHT số 04				
PHIẾU HỌC TẬP 04 Đặc sắc nghệ thuật				
- Ngôn ngữ kể chuyện				
- Những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng.....				

- Liên hệ với “nguyên lí tảng băng trôi”			xem kiếm được bao nhiêu lợi nhuận mà thôi.
- Chuyển đi của Xan- ti -a- go là thành công hay thất bại.....		Hai người khách du lịch	họ hiểu kỳ trước bộ xương to lớn nhưng cũng hoài nghi về việc ông lão có phải là người đã bắt được con cá hay không.
- Nhân vật Xan- ti -a- go biểu tượng cho điều gì.....		4. Đặc sắc nghệ thuật - Ngôn ngữ kể chuyện: giản dị, mộc mạc với người nghe; khắc họa sinh động những sự kiện và đồng thời cũng tạo được nhịp điệu cho câu chuyện. - Ngôn ngữ đối thoại: tự nhiên và bày tỏ cảm xúc chân thực. - Xây dựng những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng: Hình ảnh con cá kiếm; Hình ảnh bộ xương cá kiếm; Hình ảnh cánh buồm rách tả tơi; Hình ảnh ông lão mơ về con sư tử. => Hình ảnh trong đoạn kết của "Trở về" đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện chủ đề và ý nghĩa của tác phẩm. Những hình ảnh này được sử dụng tinh tế, giàu sức gợi cảm, tạo nên ấn tượng sâu sắc cho người đọc. - Tác phẩm tiêu biểu cho nguyên lý “tảng băng trôi” + Dựa vào hiện tượng tự nhiên: nếu tảng băng có mười phần thì trên mặt nước chỉ có ba phần nổi, và có bảy phần chìm dưới mặt nước. + Nhà văn phải hiểu biết cặn kẽ về điều muốn viết, sau đó lược bỏ những chi tiết không cần thiết, giữ lại những phần cốt lõi, sắp xếp lại để người đọc vẫn có thể hiểu được những gì tác giả đã lược bỏ. + Người đọc phải đồng sáng tạo mới có thể hiểu được “bảy phần chìm”, những hình tượng	

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và thảo luận nhóm nội dung các PHT số 01,02,03,04 theo phân công.

- GV quan sát, hỗ trợ góp ý.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức báo cáo sản phẩm

- Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện.

- GV quan sát, khích lệ HS

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm.

	những hình ảnh,... giàu tính tượng trưng đa nghĩa. + Liên hệ với “nguyên lý tảng băng trôi”: Ngôn ngữ kể chuyện và đối thoại trong đoạn trích sử dụng phong cách cô đọng, hàm ý, mở ra nhiều tầng nghĩa cho người đọc. Cách sử dụng ngôn ngữ này không chỉ tạo chiều sâu cho tác phẩm mà còn khiến người đọc suy ngẫm về nhiều khía cạnh của cuộc sống. Đồng thời, nó thể hiện rõ quan điểm nghệ thuật của Hemingway với "nguyên lý tảng băng trôi", khi chỉ miêu tả những chi tiết bề nổi, để lại nội dung sâu xa cho người đọc tự khám phá.
--	---

2.3. Hướng dẫn Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: <i>? Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn	III. Tổng kết: a. Giá trị nội dung: Hình ảnh ông lão đánh cá đơn độc, dũng cảm săn đuổi con cá lớn nhất đời là một biểu tượng về vẻ đẹp của ước mơ và hành trình gian khổ để biến ước mơ thành hiện thực. Sự chuyển hóa bức tranh với những nét trần trụi, chân thực, giản dị sang một lớp nghĩa hàm ẩn chính là sự thể hiện nguyên lý “tảng băng trôi”. Nhân vật Xan-ti-a-gô là một biểu tượng của sức mạnh kiên trì, dám đứng lên để chiến thắng chính bản thân mình. b. Giá trị nghệ thuật

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	- Cách viết dung dị, lời văn có nhiều “khoảng trống” - Hình tượng được lựa chọn kĩ lưỡng, mang tính biểu tượng và đa nghĩa. - Nghệ thuật độc thoại và độc thoại nội tâm. Cách đọc hiểu tiểu thuyết hiện đại: Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong tiểu thuyết - Nhận biết được một số yếu tố của tiểu thuyết diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật. - Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại - Nhận biết được các dấu hiệu hiện đại hoặc hậu hiện đại trong tiểu thuyết Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. - Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hậu hiện đại (nếu có) trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.
---	---

	- Phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản. - Hiểu và lí giải được một số đặc điểm cơ bản của phong cách văn học (nếu có) thể hiện trong tác phẩm. Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản tiểu thuyết (hiện đại / hậu hiện đại), thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm. Vận dụng cao: - Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: cảm nhận về những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Hãy chọn 1 trong những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng sau và viết cảm nhận của em về hình ảnh đó bằng đoạn văn 8-10 dòng: *Hình ảnh con cá kiểng; Hình ảnh bộ xương cá kiểng; Hình ảnh cánh buồm rách tả tơi; Hình ảnh ông lão mơ về con sư tử.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

- GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
- GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

ST T	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 8 – 10 dòng.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề.		
3	Có câu chủ đề.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
- Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV nhận xét đoạn văn của HS, chuẩn hoá kiến thức:

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm bài tập sáng tạo.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức hoạt động

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu: Trong tiểu thuyết *Ông già và biển cả*, khi miêu tả nhân vật Xan-ti-a-gô một mình giữa biển khơi, Hê-minh-uê đã viết: “*Ông lão biết rằng không ai phải cô đơn nơi biển cả*”. anh/chị hãy chia sẻ cảm nhận của mình về hành trình kiên cường, bất khuất, luôn chiến đấu với thử thách để khẳng định bản thân của người trẻ trong thời đại ngày nay

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tìm hiểu, bày tỏ quan điểm và sẵn sàng chia sẻ
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Chia sẻ với các bạn trong lớp

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Suu tầm thêm các tác phẩm của *O-nit Hê-minh-uê* đọc hiểu theo đặc trưng thể loại.
- **Chuẩn bị bài:** Hướng dẫn HS chuẩn bị bài Đọc hiểu văn bản 3: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

Tiết Đọc hiểu văn bản 3: <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> (Lưu Quang Vũ)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù:

- Nắm được những nét chung về tác giả *Lưu Quang Vũ* và tác phẩm *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*
 - Hiểu được bi kịch của con người khi bị áp đặt vào nghịch cảnh : phải sống nhờ, sống vay mượn, sống tạm bợ và trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và tha hóa bởi sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục.
- Biết đọc hiểu một văn bản kịch thông qua việc đọc hiểu đoạn trích kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)

2. Về phẩm chất

- HS biết trân trọng những vẻ đẹp sâu kín, vô hình của tạo vật và thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

HS xem video: <https://youtu.be/MvtBfBF1nmc?si=mW62WMiX3E3YqS7l>

- Chia sẻ những thông tin em nhận được từ video trên

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS xem video và chia sẻ cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời cá nhân

Bước 4: Đánh giá, kết luận

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - Tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:**

- Giúp HS tìm hiểu tác giả *Lưu Quang Vũ* và tác phẩm *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*

Và đoạn trích.

b. **Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tác giả tác phẩm và đoạn trích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. TÌM HIỂU CHUNG: 1. TÁC GIẢ - Lưu Quang Vũ (1948 - 1988).

GV yêu cầu HS đọc, nghiên cứu SGK trang 112,112 và đọc văn bản đoạn trích (đã đọc ở nhà) kết hợp với hiểu biết của em chia sẻ về tác giả <i>Lưu Quang Vũ</i> và tác phẩm <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> - Tác giả -Tác phẩm - Đoạn trích Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS chia sẻ cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức Cuộc đời Lưu Quang Vũ có nhiều thăng trầm và biến cố , buồn nản, thất vọng, như những lời thơ mà LQV đã tâm sự: “<i>Có những lúc tâm hồn tôi rách nát, Như một tấm gương chẳng biết soi gì</i>” Đó là lúc gia đình nhỏ bé của ông tan vỡ, LQV thất nghiệp, từng làm đủ mọi nghề để kiếm sống: <i>làm hợp đồng cho NXB Giải phóng, chấm công trong một đội cầu đường, vẽ pa-nô, áp-phích...</i> Nhưng LQV luôn nghĩ rằng “<i>Làm việc, làm việc để chiến thắng thời gian và bóng tối</i>”. Đó là những lời cổ vũ để anh vượt lên trong những năm tháng khốn khó đó. - Chính tình yêu của nữ thi sĩ Xuân quỳnh, đã giúp LQV có một nguồn	- Quê gốc ở Đà Nẵng, sinh tại Phú Thọ trong một gia đình trí thức, cha là nhà viết kịch Lưu Quang Thuận. - Từ 1965 đến 1970: vào bộ đội, phục vụ trong quân chủng Phòng không - Không quân. - 1970 – 1978: xuất ngũ và làm đủ mọi nghề để mưu sinh. - Từ 1978 – 1988: là biên tập viên tạp chí Sân khấu, bắt đầu sáng tác kịch nói. - LQV có những vở kịch gây chấn động dư luận : + Lời nói dối cuối cùng, + Nàng Xi - ta, + Chết cho điều chưa có, + Nếu anh không đốt lửa, + Lời thề thứ 9, + Khoảnh khắc và vô tận, + Bệnh sĩ, + Tôi và chúng ta, ... - LQV trở thành hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch trường, được coi là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại. - Kịch LQV phản ánh nhiều vấn đề nóng bỏng của đời sống với nghệ thuật phong phú, đa dạng. - Từng làm thơ, sáng tác truyện ngắn, vẽ tranh... nghệ sĩ đa tài. Tác phẩm chính: + Hương cây - Bếp lửa + Mây trắng của đời tôi + Bầy ong trong đêm sâu...
--	---

năng lượng mới trong sáng tác. Anh đã tâm sự rằng: <i>“Biết ơn em, em từ miền gió cát Về với anh, bông cúc nở hoa vàng”</i> Đây cũng là thời điểm chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Ngọn gió của không khí đổi mới chuyển về tư tưởng, ý thức về dân chủ đã ùa vào trong văn học. Nó tác động đến những biến chuyển trong ý thức, tư duy của người cầm bút. Như vậy, ngọn gió của thời đại và điểm tựa tinh thần từ tình yêu rộng lớn, sâu sắc đã thổi bùng lên nhiệt huyết sáng tạo của LQV.	- Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. 2. Tác phẩm: - Được viết từ năm 1981 nhưng đến năm 1984, mới ra mắt công chúng. - Từ một cốt truyện dân gian, LQV đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc. - Gồm 7 cảnh và phần kết. Cảnh 1: Trên thiên đình Nam Tào làm việc cẩu thả, gạch nhầm tên người chết là Trương Ba. Cảnh 2: Đế Thích kết thân với Trương Ba – một người cao cò ở hạ giới. Trương Ba đột ngột qua đời. Cảnh 3: Nam Tào sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt để sống lại. Cảnh 4: Xác hàng thịt đòi về nhà Trương Ba, mọi người ngỡ ngàng song đành phải chấp nhận. Cảnh 5: Lí trưởng sách nhiễu, Trương Ba phải ở nhà hàng thịt đến đêm mới được về nhà. Cảnh 6: Bị thể xác xuôi khiến, Trương Ba định xuôi theo, ở lại với vợ hàng thịt. Cảnh 7: Trương Ba bắt đầu thay đổi tâm tính khiến mọi người trong gia đình, bạn bè xa lánh, chán ghét. Vô
--	---

cùng đau khổ, Trương Ba quyết định giải thoát, chấp nhận cái chết. 3. Đoạn trích: - Thuộc cảnh 7 và đoạn kết của vở kịch (cao trào và mở nút). - Nội dung: Diễn tả sự đau khổ, dẫn vật và quyết định cuối cùng đầy cao thượng của hồn Trương Ba. - Tóm tắt những sự kiện chính trong từng lớp kịch. Nhận xét về diễn biến của các sự kiện.		
Lớp kịch	Sự kiện	Nhận xét
Lớp kịch 1	Hồn Trương Ba được sống lại ở xác Hàng Thịt	- Diễn biến bất ngờ, mở ra nút thắt cho vở kịch - Tạo sự tò mò cho người đọc
Lớp kịch 2	Hồn Trương Ba gặp lại những người thân	- Nội tâm nhân vật giằng xé => thể hiện sự bất hòa giữa hồn và xác. - Tạo mâu thuẫn cho vở kịch
Lớp kịch 3	Hồn Trương Ba gặp lại Đế Thích	- Đẩy bi kịch lên cao trào nhất. - Thể hiện tư tưởng của tác giả
Lớp kịch 4	Hồn Trương Ba về đúng nơi nên thuộc về	- Cái kết bất ngờ cho người đọc - Mở ra nhiều suy nghĩ về cuộc sống

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Giúp HS tìm hiểu phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản; phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN			SẢN PHẨM
Thao tác 2: Hướng dẫn HS khám phá văn bản Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về xung đột kịch, nhân vật Hồn Trương Ba và nhân vật Xác Hàng Thịt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 07 phút - 4 nhóm cùng hoàn thành : – Hoàn thành PHT SỐ 1			II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Xung đột chính trong đoạn trích. - Xung đột chính: Sự giằng xé giữa tâm hồn và thể xác - Bi kịch của con người được Lưu Quang Vũ gửi gắm: bị kịch của con người khi đánh mất giá trị của bản thân. 2. Hình tượng nhân vật Trương Ba và Xác Hàng Thịt qua cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác Sản phẩm PHT số 1
Nhân vật	Hồn Trương Ba	Xác Hàng Thịt	
Tiêu chí			
Hành động			
Quan điểm về thể xác			
Nhận xét quan điểm về thể xác:			
Tính cách			
Cách lập luận			
Giọng điệu			

Quyết định của nhân vật Trương Ba		
Thông điệp và ý nghĩa triết lí của lớp kịch		
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành PHT số 01 - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức báo cáo sản phẩm - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện. - GV quan sát, khích lệ HS Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm. Chuẩn kiến thức		
SẢN PHẨM PHT SỐ 1		
Nhân vật Tiêu chí	Hồn Trương Ba	Xác Hàng Thịt
Hành động	Khi run rẩy, lúng túng lúc mới nhập vào xác anh hàng thịt. - Khi vui vẻ, hớn hờ trò chuyện cùng vợ con, bạn bè. - Khi tức giận, đập bàn đập ghế trước những mâu thuẫn và xung đột nội tâm. - Khi suy tư, trầm ngâm suy ngẫm về cuộc sống và con người.	- Lúc thô lỗ, hung hăng khi đối xử với mọi người xung quanh. - Lúc vui vẻ, hồn nhiên khi được trò chuyện với hồn Trương Ba và học được những điều mới mẻ.

		- Lúc hối hận, ăn năn khi nhận ra những sai lầm của bản thân và cố gắng sửa chữa.
Quan điểm về thể xác	Thể xác không có tiếng nói, không có ý nghĩa gì hết.	Thể xác có sức mạnh ghê gớm, lắm khi lấn át cả linh hồn.
Nhận xét quan điểm về thể xác + Cả hai quan điểm đều có phần đúng. + Thể xác và linh hồn là hai phần không thể tách rời, hòa quyện với nhau. + Để có một cuộc sống trọn vẹn, cần phải duy trì sự cân bằng, hài hòa giữa hai yếu tố này.		
Tính cách	+ Trong những khoảnh khắc bi thương, đau đớn khi nhận ra sự thật của cái chết và sự chuyển nhập vào một xác thể mới. + Trong niềm vui, hạnh phúc khi được trở lại sống và được gặp lại gia đình, bạn bè. + Khi tức giận, phẫn nộ trước những xung đột, mâu thuẫn nội tâm. + Trong cảm giác chua xót, hối hận khi nhận ra những sai lầm đã từng mắc phải trong quá khứ.	+ Ban đầu thô lỗ, cục cằn khi tiếp xúc với hồn Trương Ba. + Dần trở nên vui vẻ, hồn nhiên khi thích nghi và học được cách sống tích cực từ hồn Trương Ba. + Khi hối hận, ăn năn khi nhận ra những sai lầm đã mắc phải trong quá khứ.
Cách lập luận	+ Sử dụng lý lẽ nhẹ nhàng, thuyết phục để giải thích với vợ con về tình hình hiện tại. + Dùng lý lẽ sắc bén, đầy quyết đoán để chỉ ra những thiên hướng xấu của bản thân và của những người xung quanh. + Sử dụng lý lẽ sâu sắc, triết lý để suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc	+ Dùng lý lẽ giản dị, mộc mạc để thể hiện quan điểm sống của mình. + Sử dụng lý lẽ thực tế, gần gũi với cuộc sống để bác bỏ những quan điểm sai lầm của hồn Trương Ba. + Sử dụng lý lẽ chân thành, đầy cảm xúc để thể hiện lòng

	sống, về giá trị của tình thương và lòng nhân ái.	hối hận và mong muốn sửa chữa sai lầm.
Giọng điệu	- Khi đau buồn và tuyệt vọng nhận ra mình đã chết và phải sống trong thân xác của người khác. - Khi hân hoan và hạnh phúc được sống lại và gặp gỡ vợ con, bạn bè. - Khi phẫn nộ và tức giận đối diện với những mâu thuẫn và xung đột nội tâm. - Khi cảm thấy chua xót và hối hận về những sai lầm đã phạm phải trong quá khứ. Tóm lại: Giọng điệu đau khổ, bối rối; cử chỉ điệu bộ đầy lúng túng; lời thoại thì ngắn, thái độ thì tự ti, đau khổ và khao khát muốn thoát khỏi cuộc sống như hiện tại.	- Ban đầu, thô lỗ và cục cằn khi mới gặp hồn Trương Ba. - Dần dần trở nên vui vẻ và hồn nhiên khi quen với hồn Trương Ba và học được cách sống tốt đẹp hơn. - Khi hối hận và ăn năn nhận ra những sai lầm của bản thân trong quá khứ. Tóm lại: Giọng đặc thẳng, đầy tự tin; thể hiện sức mạnh ghê gớm của mình và còn tỏ ra ghen với chính bản thân mình.
Quyết định của nhân vật Trương Ba	Trong cuộc đối thoại này, Hồn Trương Ba chiến đấu với những ham muốn bản năng của thân xác hàng thịt. Sau một thời gian, hồn Trương Ba cũng bị dần hòa nhập vào thế giới vật chất, làm cho gia đình anh trở nên rạn nứt và đau buồn. Trương Ba quyết định thấp nhang và kêu gọi Đế Thích để quyết định rời bỏ thân xác của mình.	
Thông điệp và ý nghĩa triết lí của lớp kịch	- Thông điệp: Lớp kịch “Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác” cho biết sự giằng xé luôn tồn tại trong mỗi con người, nó như là mặt thiện và mặt ác của mỗi người đòi hỏi cần phải có bản lĩnh để đè nén lại mặt ác bên trong. - Ý nghĩa triết lí: Triết lí này như một tấm gương muốn mỗi người chúng ta tự soi lại, để hiểu rõ bản chất của chính mình để từ đó có cách sống, lối suy nghĩ đúng đắn.	

Thao tác 3:Tìm hiểu về thái độ của những người xung quanh trước sự thay đổi của nhân vật Hồn Trương Ba Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 05 phút - 4 nhóm cùng hoàn thành : – Hoàn thành PHT số 02 <table><tr><th colspan="3">PHT SỐ 2</th></tr><tr><th>Đối tượng</th><th>Thái độ</th><th>Tâm trạng</th></tr><tr><td>Vợ Trương Ba</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Cái Gái</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Người con dâu</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Lí lẽ của Trương Ba và Đế Thích</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Nhận xét về kết thúc của vở kịch</td><td colspan="2"></td></tr></table> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành PHT số 02 - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức báo cáo sản phẩm - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện. - GV quan sát, khích lệ HS Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm. Chuẩn kiến thức	PHT SỐ 2			Đối tượng	Thái độ	Tâm trạng	Vợ Trương Ba			Cái Gái			Người con dâu			Lí lẽ của Trương Ba và Đế Thích			Nhận xét về kết thúc của vở kịch			3. Thái độ, tâm trạng của người thân trong gia đình (các nhân vật vợ Trương Ba, cái Gái, người con dâu.) và Đế Thích trước sự thay đổi của Trương Ba Sản phẩm PHT số 2
PHT SỐ 2																						
Đối tượng	Thái độ	Tâm trạng																				
Vợ Trương Ba																						
Cái Gái																						
Người con dâu																						
Lí lẽ của Trương Ba và Đế Thích																						
Nhận xét về kết thúc của vở kịch																						
<table><tr><th>PHT SỐ 2</th></tr></table>		PHT SỐ 2																				
PHT SỐ 2																						

Đối tượng	Thái độ	Tâm trạng
Vợ Trương Ba	+ Ban đầu: Bàng hoàng, đau khổ khi biết chồng đã chết. + Sau đó: Lo lắng, nghi ngờ khi hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt. + Dần dần: Thấu hiểu, thương cảm cho hoàn cảnh của chồng. + Cuối cùng: Quyết định tha thứ cho chồng và cùng nhau vun vén hạnh phúc gia đình.	+ Buồn bã, đau đớn: Khi biết chồng đã chết và phải chịu cảnh sinh ly tử biệt. + Lo lắng, hoang mang: Khi hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt và có những hành động kỳ lạ. + Thương cảm, xót xa: Khi nhận ra những mâu thuẫn, xung đột nội tâm của chồng. + Hạnh phúc, hy vọng: Khi vợ chồng được đoàn tụ và cùng nhau hướng đến tương lai tốt đẹp hơn.
Cái Gái	+ Ban đầu: Tò mò, thích thú khi gặp gỡ hồn Trương Ba trong xác anh hàng thịt. + Sau đó: Dần dần nảy sinh tình cảm với hồn Trương Ba. + Cuối cùng: Quyết định hy sinh tình cảm của mình để vun vén hạnh phúc gia đình cho Trương Ba.	+ Vui vẻ, hồn nhiên: Khi gặp gỡ hồn Trương Ba và trò chuyện cùng anh. + Bối rối, lo lắng: Khi nhận ra mình đã nảy sinh tình cảm với hồn Trương Ba. + Buồn bã, đau khổ: Khi quyết định hy sinh tình cảm của mình để vun vén hạnh phúc gia đình cho Trương Ba. + Hy vọng, tin tưởng: Vào tương lai tươi sáng của Trương Ba và vợ con.
Người con dâu	+ Hiếu thảo, kính trọng: Với cha chồng và mẹ chồng. + Thấu hiểu, thông cảm: Cho hoàn cảnh của cha chồng. + Chủ động, quyết đoán: Khi giải quyết những mâu thuẫn trong gia đình.	+ Lo lắng, buồn bã: Khi biết cha chồng đã chết và gia đình gặp nhiều khó khăn. + Thương cảm, xót xa: Khi nhận ra những mâu thuẫn, xung đột nội tâm của cha chồng. + Quyết tâm: Giữ gìn hạnh phúc gia đình và giúp đỡ cha mẹ vượt qua khó khăn.

Lí lẽ, lập luận của Trương Ba và Đế Thích	* Lí lẽ: Với Hồn Trương Ba thì sống là được hòa hợp giữa thể xác và tâm hồn; còn với Đế Thích, chỉ cần đang tồn tại là đang sống. * Lập luận: Quan điểm về ý nghĩa của cuộc sống, cách nhìn nhận của cuộc sống đã tạo nên sự mâu thuẫn rất tự nhiên và cũng rất kịch tính cho tác phẩm.
ân xét về kết thúc của vở kịch	- Đây là kết thúc mở, khiến cho người đọc không có lời giải rõ ràng về ý nghĩa nhưng lại mở ra nhiều ý nghĩa cho cuộc sống. - Theo tôi đó là một kết thúc bi kịch. Vì cuối cùng Trương Ba vẫn không thể sống đúng với bản thân, giá trị tinh thần bị tha hóa bởi thể xác.

2.3. Hướng dẫn Tổng kết

- Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: <i>? Rút ra những nét đặc sắc về nội dung, thông điệp và nghệ thuật của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	III. Tổng kết: a. Giá trị nội dung: - Thông điệp: - Được sống làm người quý giá thật, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn với những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. - Sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hoà giữa thể xác và tâm hồn, giữa hình thức bên ngoài và phẩm chất bên trong. - Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục, chống lại cách sống trái với lương tâm để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý. 2. Nghệ thuật:

Không chỉ có ý nghĩa triết lí về nhân sinh, về hạnh phúc con người, trong vở kịch nói chung và đoạn kết nói riêng, Lưu Quang Vũ muốn góp phần phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống lúc bấy giờ: Thứ nhất, con người đang có nguy cơ chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất, chỉ thích hưởng thụ đến nỗi trở nên phàm phu, thô thiển. Thứ hai, lấy cơ tâm hồn là quý, đời sống tinh thần là đáng trọng mà chẳng chăm lo thích đáng đến sinh hoạt vật chất, không phấn đấu vì hạnh phúc toàn vẹn. Cả hai quan niệm, cách sống trên đều cực đoan, đáng phê phán. Ngoài ra, vở kịch còn đề cập đến một vấn đề cũng không kém phần bức xúc, đó là tình trạng con người phải sống giả, không dám và cũng không được sống là bản thân mình. Đây là nguy cơ đẩy con người đến chỗ bị tha hóa do danh và lợi. □ Với tất cả những ý nghĩa đó, đoạn trích rất tiêu biểu cho phong cách viết kịch của Lưu Quang Vũ.	- Những đoạn đối thoại được xây dựng giàu kịch tính, đậm chất triết lí, tạo chiều sâu cho vở kịch. - Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống truyện. - Những đoạn độc thoại nội tâm góp phần thể hiện rõ tính cách nhân vật và quan niệm về lẽ sống đúng đắn. 3. Cách đọc hiểu thể loại văn bản bi kịch: Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật, hệ thống nhân vật trong bi kịch. - Nhận biết được mâu thuẫn, xung đột kịch trong bi kịch. - Nhận biết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu và hành động của nhân vật bi kịch. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong bi kịch. Thông hiểu: - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố như cốt truyện, xung đột (xung đột bên trong và xung đột bên ngoài), ngôn ngữ, hành động kịch và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích, đánh giá được đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật bi kịch; phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Nêu và lí giải được chủ đề; yếu tố “bi”, hiệu ứng thanh lọc của bi kịch. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản; phát hiện và lí giải
--	---

	được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của vở kịch. Vận dụng: - Nêu được tác động của hiệu ứng thanh lọc trong bi kịch với bản thân. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong vở kịch. Vận dụng cao: - Đánh giá được tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của bản thân về văn học, cuộc sống. - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - So sánh được hai văn bản văn học kịch có cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn người lao động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn 8-10 câu cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Trương Ba.

Gợi ý:

Vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Trương Ba: Trương Ba đại diện cho những người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, bảo vệ quyền được sống trọn vẹn, hài hòa giữa thể xác và tâm hồn, vật chất và tinh thần cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.

- GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

ST T	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 8 – 10 dòng.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề.		
3	Có câu chủ đề.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
- Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV nhận xét đoạn văn của HS, chuẩn hoá kiến thức:

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm bài tập sáng tạo.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức hoạt động

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu: chia sẻ những hiểu biết của em về bi kịch của con người khi bị áp đặt vào nghịch cảnh : phải sống nhờ, sống vay mượn, sống tạm bợ và trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và tha hóa bởi sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục của người trẻ trong thời đại ngày nay

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tìm hiểu, bày tỏ quan điểm và sẵn sàng chia sẻ
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Chia sẻ với các bạn trong lớp

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét đánh giá.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Suu tầm thêm các tác phẩm của Lưu Quang Vũ đọc hiểu theo đặc trưng thể loại.

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

- **Chuẩn bị bài:** Hướng dẫn HS chuẩn bị bài Thực hành tiếng việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

Tiết:.... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. **Năng lực:** Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực sử dụng, phát triển tiếng Việt
2. **Phẩm chất:** Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt; có ý thức giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.
2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- b. **Nội dung hoạt động:** Xem video, trả lời câu hỏi
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: Xem đoạn video sau: https://youtu.be/-bq7GW70M2k Và cho biết nội dung, mục đích của video trên là gì? Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ, trả lời - HS theo dõi, trả lời câu hỏi	Câu trả lời của HS

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đưa ra câu trả lời: Video đã đề cập đến quá trình nỗ lực giữ gìn và phát triển sự trong sáng tiếng Việt của Bác Hồ. - GV dẫn và bài: Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tiếp tục sứ mệnh “Giữ gìn và phát triển tiếng Việt” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “bàn giao” lại cho các thế hệ người Việt Nam.	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

- a. **Mục tiêu:** HS nhận biết được đặc điểm, lí do của việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt
- b. **Nội dung hoạt động:** Thực hiện các bài tập theo nhóm
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng.
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM																		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cho HS nghiên cứu SGK trang 114, 115 Phần: Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt và hoàn thành PHT sau: <table border="1"> <tr> <th colspan="2">Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt</th></tr> <tr> <th>Tiêu chí</th><th>Biểu hiện</th></tr> <tr> <td>Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt</td><td></td></tr> <tr> <td>Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự phát triển ngôn ngữ</td><td></td></tr> <tr> <td>Sáng tạo ngôn ngữ</td><td></td></tr> </table>	Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt		Tiêu chí	Biểu hiện	Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt		Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh		Sự phát triển ngôn ngữ		Sáng tạo ngôn ngữ		I. Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt <table border="1"> <tr> <th colspan="2">Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt</th></tr> <tr> <th>Tiêu chí</th><th>Biểu hiện</th></tr> <tr> <td>Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt</td><td>Thể hiện ở hệ thống các chuẩn mực và những quy tắc, phương thức chung về phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu...vì vậy phải luôn luôn tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó</td></tr> </table>	Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt		Tiêu chí	Biểu hiện	Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt	Thể hiện ở hệ thống các chuẩn mực và những quy tắc, phương thức chung về phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu...vì vậy phải luôn luôn tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó
Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt																			
Tiêu chí	Biểu hiện																		
Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt																			
Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh																			
Sự phát triển ngôn ngữ																			
Sáng tạo ngôn ngữ																			
Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt																			
Tiêu chí	Biểu hiện																		
Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt	Thể hiện ở hệ thống các chuẩn mực và những quy tắc, phương thức chung về phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu...vì vậy phải luôn luôn tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó																		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các đội thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đội chiến thắng chữa bài trong từng phiếu học tập. Các đội khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét các đội, chốt kiến thức về Sự giữ gìn và phát triển của tiếng Việt. 1. Khi nói hoặc viết cần đúng chuẩn mực, quy tắc tiếng Việt + Chuẩn mực: không phủ nhận sự chuyển đổi linh hoạt, tiếp thu cái mới, sáng tạo 2. Sự trong sáng không dung nạp tạp chất. Sự trong sáng của tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, không sử dụng tùy tiện yếu tố ngôn ngữ khác 3. Sự trong sáng biểu hiện ở tính văn hóa, lịch sử của lời nói		☐ Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.
	Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh	Sự trong sáng của tiếng Việt được thể hiện ở tính văn hoá, lịch sử của lời nói.
	Sự phát triển ngôn ngữ	+ Cấu tạo những từ ngữ mới trên cơ sở những yếu tố có sẵn VD: trí tuệ nhân tạo (từ sẵn Trí tuệ; nhân tạo) + Vay mượn từ ngữ từ các ngôn ngữ khác VD vắc xin ; vi rút...
	Sáng tạo ngôn ngữ	Thông qua các hoạt động sáng tạo ngôn ngữ của các nhà văn, nhà thơ

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Hệ thống kiến thức việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt

b. **Nội dung hoạt động:** Làm các BT trong SGK

c. **Sản phẩm:** BT trong SGK

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức hoạt động “lẩu băng chuyền”	Bài 1: Xác định dấu hiệu cho thấy người viết không tuân thủ chuẩn tiếng Việt a. Dấu hiệu:

- Chia lớp làm 6 nhóm, mỗi nhóm có 2 bàn. Giao nhiệm vụ cụ thể trong từng nhóm: Nhóm 1 : Bài tập 1, SGK tr 114 Nhóm 2 : Bài tập 2, SGK tr 114 Nhóm 3 : Bài tập 3, SGK tr 114 Nhóm 4 : Bài tập 4, SGK tr 115 Nhóm 5 : Bài tập 5, SGK tr 115 Nhóm 6 : Bài tập 6, SGK tr 115 - Luật chơi: + Các nhóm làm bài trực tiếp trên phiếu A0 của nhóm sau đó di chuyển nhóm theo quy luật lẫu băng chuyền qua 5 nhóm sẽ hoàn thành 6 bài tập Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm bàn GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi nhóm nhanh nhất, đủ nhất, đúng nhất -> trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	- “rui”: chuẩn tiếng Việt là “rồi” - “lém”: chuẩn tiếng Việt là “lắm” b. Dấu hiệu “comment”: đây là từ tiếng Anh, không nên sử dụng trong hoàn cảnh này; nên thay vào đó là từ “bình luận”, “ghi chú”. c. Dấu hiệu: câu văn bị lủng củng, khó hiểu. Bài 2: Những từ ngữ mới thể hiện sự phát triển của tiếng Việt tương tự các từ ngữ thuộc một trong hai nhóm sau: a. Thay thế bằng những từ ngữ liên quan đến công nghệ và xã hội: - Xã hội thông tin - Trí tuệ nhân tạo (AI) - Internet - Điện toán đám mây - b. Thay thế những từ bằng tiếng anh: - Livestream - CEO, KOL - Trending - Map - Bài 3 : Mỗi từ ngữ in đậm trong những câu dưới đây có các nghĩa khác nhau. Hãy cho biết các nghĩa của mỗi từ ngữ, suy đoán xem trong những nghĩa đó, nghĩa nào có trước, nghĩa nào có sau và giải thích cơ sở của sự suy đoán. a. Từ “say”:
--	--

	- “Các cụ ông say thuốc” và “Các cụ bà say trà”: đây là từ chỉ trạng thái mất kiểm soát của bản thân do sử dụng đồ có chất kích thích. => Nghĩa này là nghĩa cơ sở, nghĩa có trước. - “Chỉ nhìn mà say nhau”: mê mẩn, đắm chìm vào một mối quan hệ hay một người nào đó. => Nghĩa này là nghĩa có sau. b. Từ “chữa cháy”: - “Đội cứu hoả đến chữa cháy kịp thời”: hành động dập tắt đám cháy đang xảy ra => đây là nghĩa cơ sở, nghĩa có trước. - “Đó chỉ là phương án chữa cháy”: giải quyết một vấn đề xảy ra bất ngờ => đây là nghĩa có sau. Bài 4: Phân tích cách dùng từ ngữ rất riêng của Xuân Diệu ở đoạn thơ sau trong bài Vội vàng: 1. Các phép tu từ: - Điệp từ: "Ta muốn" được lặp lại 4 lần, thể hiện khát vọng mãnh liệt của tác giả. - Nhân hóa: "non nước, cây, cỏ rạng", "hỡi xuân hồng" - Ẩn dụ: "cấn vào người" - So sánh: "cho chênh choáng mùi thơm", "cho đã đầy ánh sáng", "cho no nê thanh sắc" 2. Cách dùng từ ngữ: - Sử dụng nhiều từ ngữ gợi tả cảm giác: "thơm", "ánh sáng", "thanh sắc", "chênh choáng", "đã đầy", "no nê".
--	---

	- Sử dụng từ ngữ táo bạo: "cắn vào người". - Sử dụng nhiều động từ mạnh: "thâu", "cắn", "đã đẩy", "no nê". 3. Hiệu quả: - Thể hiện khát vọng sống mãnh liệt, muốn tận hưởng mọi vẻ đẹp của cuộc sống. - Thể hiện sự say mê, cuồng nhiệt trước cảnh vật thiên nhiên và tuổi trẻ. - Tạo nên một bức tranh ngôn ngữ đầy ấn tượng, sinh động. Bài 5 : Cách diễn đạt "Tây" trong thơ Xuân Diệu: 1. Cách dùng từ ngữ: - "thâu trong một cái hồn nhiều" - "cho chênh choáng mùi thơm" - "cho đã đẩy ánh sáng" - "cho no nê thanh sắc" - "hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào người" 2. Cách so sánh: - "cho chênh choáng mùi thơm" - "cho đã đẩy ánh sáng" - "cho no nê thanh sắc" 3. Cách sử dụng đại từ: "ta" Hiện nay: - Những cách diễn đạt này đã trở nên quen thuộc và được nhiều người sử dụng. - Nhờ những cách diễn đạt "Tây" này, thơ ca Việt Nam thêm phong phú và đa dạng.
--	--

	Nhận xét: - Việc sử dụng những cách diễn đạt "Tây" là một sáng tạo của Xuân Diệu, góp phần tạo nên phong cách thơ độc đáo của ông. - Những cách diễn đạt này thể hiện sự hòa nhập của văn hóa Việt Nam với văn hóa thế giới. Bài 6: Một số dẫn chứng cho thấy sự độc đáo trong cách sử dụng tiếng Việt của các nhà văn, nhà thơ mà em biết. - Nguyễn Tuân: “Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban trắng” (Người lái đò sông Đà). - Hàn Mặc Tử: + “Vườn ai mướt quá, xanh như Ngọc” + “Ai biết tình ai có đậm đà”
--	--

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Biết vận dụng để giữ gìn và phát triển tiếng Việt

b. **Nội dung hoạt động:** HS thực hiện bài tập

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời trong vở.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV nêu yêu cầu: Chọn 1 trong 2 đề Đề 1: Hãy chọn một bài kiểm tra môn Ngữ văn của cá nhân, đọc lại và cho biết ngôn ngữ trong	Bài tập: ĐỀ 1. Hãy chọn một bài kiểm tra môn Ngữ văn của cá nhân, đọc lại và cho biết ngôn ngữ trong bài kiểm tra của em đã góp phần vào việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt hay chưa? Vì sao? ĐỀ 2. Hãy chọn một tác phẩm văn học và

bài kiểm tra của em đã góp phần vào việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt hay chưa? Vì sao? ĐỀ 2. Hãy chọn một tác phẩm văn học và tìm ra sự sáng tạo ngôn ngữ của nhà văn trong tác phẩm đó Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS chủ động thực hiện ở nhà Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Trong giờ thực hành Tiếng việt của bài học sau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Trong giờ thực hành Tiếng việt của bài học sau.	tìm ra sự sáng tạo ngôn ngữ của nhà văn trong tác phẩm đó
--	--

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Suu tầm thêm các trường hợp giữ gìn và phát triển tiếng Việt trong sinh hoạt và trong các tác phẩm văn học.
- **Chuẩn bị bài:** Hướng dẫn HS chuẩn bị bài: Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

TIẾT.....VIẾT

VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- * Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...
- * Năng lực đặc thù:

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

- Nhận diện được kiểu bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

- Nắm được các bước viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

2. Phẩm chất

- Biết sống chủ động, lạc quan và vượt lên mọi nghịch cảnh để khẳng định niềm tin vào cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ những hiểu biết về các phong trào và hoạt động xã hội

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS huy động kiến thức hiểu biết của bản thân thảo luận cặp đôi trong 2 phút trả lời câu hỏi sau:

1. Trường mình đã có những lễ phát động về những phong trào nào?

2. Theo em thế nào là một hoạt động xã hội ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ. Thảo luận cặp đôi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày kết quả.

- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV định hướng dẫn dắt vào bài học

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:** HS hiểu yêu cầu đối với kiểu bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
THAO TÁC 1: HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục định hướng trong SGK 116 trả lời câu hỏi. Yêu cầu kiểu bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV HS trả lời các HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	I. Định hướng 1.Yêu cầu của kiểu bài - Giới thiệu được phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết muốn hưởng ứng hoặc phát động và nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó; có cách mở đầu thu hút được sự chú ý của người đọc. - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; giúp người tiếp nhận hiểu rõ lí do người viết hưởng ứng hay phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội. - Nêu được ý kiến trái chiều có thể có và sử dụng lí lẽ, bằng chứng phản bác để tăng tính thuyết phục cho văn bản. - Sử dụng hiệu quả các yếu tố thuyết minh và biểu cảm để tăng thêm xúc tác động của bài phát biểu. - Có kết bài gây ấn tượng, thuyết phục người đọc thay đổi nhận thức hoặc hành động.
THAO TÁC 1: HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU BÀI VIẾT THAM KHẢO Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ cùng hoàn thành PHT số 1 (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 07 phút	2. Bài viết tham khảo Sản phẩm PHT số 1
PHT SỐ 1	

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

Bối cảnh bài viết ra đời		
Điều bài viết kêu gọi		
Đối tượng hướng đến của bài viết		
Những luận điểm được tác giả triển khai		
Lí lẽ và bằng chứng		
Ý kiến trái chiều được đề cập trong văn bản		
Tác dụng của việc nêu ý kiến trái chiều		
Theo bạn, lời kêu gọi của tác giả có thể nhận được sự hưởng ứng rộng khắp không? Nếu có thì sự hưởng ứng đó do đâu mà có?		
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ		
- Các nhóm HS suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành PHT số 01		
- GV quan sát, hỗ trợ góp ý.		
Bước 3: Báo cáo, thảo luận		
GV tổ chức báo cáo sản phẩm		
- Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm.		
Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện.		
- GV quan sát, khích lệ HS		
Bước 4: Đánh giá, kết luận		
- Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm.		
Chuẩn kiến thức		
PHT SỐ 1		

Bối cảnh bài viết ra đời	Bài viết được viết vào năm 2003, khi đại dịch HIV/AIDS đang hoành hành trên toàn thế giới, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe và kinh tế.
Điều bài viết kêu gọi	- Bài viết kêu gọi mọi người chung tay đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS
Đối tượng hướng đến của bài viết	- Lời kêu gọi này hướng đến tất cả mọi người, bao gồm chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và toàn thể cộng đồng.
Những luận điểm được tác giả triển khai	HIV/AIDS là một đại dịch nguy hiểm cần được đẩy lùi. Đại dịch này đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe và kinh tế, và nếu không được phòng chống hiệu quả, HIV/AIDS có thể lây lan rộng rãi. Việc đẩy lùi HIV/AIDS không chỉ là trách nhiệm của một cá nhân hay tổ chức mà là trách nhiệm chung của toàn cộng đồng. Thống kê cho thấy số người nhiễm HIV/AIDS và số ca tử vong do đại dịch này vẫn ở mức đáng báo động. Tuy nhiên, một số quốc gia đã đạt được thành công trong nỗ lực phòng chống HIV/AIDS, minh chứng cho khả năng kiểm soát và đẩy lùi đại dịch. Các tổ chức quốc tế uy tín cũng đã liên tục kêu gọi hành động nhằm ngăn chặn sự lây lan của HIV/AIDS và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
Lí lẽ và bằng chứng	Khẳng định đây là vấn đề cần chung tay, cùng nhau nỗ lực để đưa HIV/AIDS lên thành vấn đề hàng đầu.
Ý kiến trái chiều được đề cập trong văn bản	+ Mọi người cho rằng việc phòng, chống HIV/AIDS quá tốn kém lại không mang lại hiệu quả cao. + Một số người khác cho rằng việc giáo dục về giới tính và cung cấp bao cao su đang khuyến khích hành vi quan hệ tình dục không đảm bảo.
Tác dụng của việc nêu ý kiến trái chiều	Gợi sự đồng cảm của người nghe bằng cách chỉ ra vẫn còn rất nhiều người bị kỳ thị ngoài kia

Theo bạn, lời kêu gọi của tác giả có thể nhận được sự hưởng ứng rộng khắp không? Nếu có thì sự hưởng ứng đó do đâu mà có?	- Lời kêu gọi của tác giả có thể thu hút được sự quan tâm rộng rãi vì HIV/AIDS là một vấn đề toàn cầu, ảnh hưởng đến mọi người ở mọi quốc gia và dân tộc. Mọi người đều mong muốn sống trong một môi trường không có HIV/AIDS và có nhiều tổ chức quốc tế cùng với các quốc gia đang nỗ lực chung để đẩy lùi đại dịch này. - Cách kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, kêu gọi mọi người thay đổi nhận thức và hành động. Cách kết bài gây sự hứng khởi, làm tăng ý chí và nhiệt huyết cho người nghe.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT THEO QUY TRÌNH.

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

b. Nội dung: Thực hành kỹ năng viết theo quy trình.

c. Sản phẩm: Bài văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của quy trình viết Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS đọc SGK trang 119-120 thảo luận cặp đôi và thực hiện các yêu cầu: - Quy trình viết gồm mấy bước? - Công việc cụ thể từng bước? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến câu trả lời, sản phẩm + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận	II. Thực hành viết 1. Chuẩn bị viết - Xác định vị thế của bản thân khi viết bài phát biểu. + Với tư cách là người hưởng ứng (đồng tình, ủng hộ) một phong trào hoặc một hoạt động xã hội do một tổ chức hay cá nhân khác phát động (khởi xướng). + Với tư cách là người phát động, khởi xướng phong trào hoặc hoạt động đó. - Nhu cầu giải quyết những vấn đề bức thiết của đời sống và đòi hỏi sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo công chúng. 2. Tìm ý, lập dàn ý a. Tìm ý:

+ HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV khắc sâu kiến thức:	Trả lời các câu hỏi sau: - Phong trào hoặc hoạt động xã hội được đề cập trong bài viết nhằm giải quyết vấn đề bức thiết gì của đời sống? Bạn viết bài này với tu cách gì (hưởng ứng hay phát động) và hướng đến đối tượng nào? - Vì sao mọi người cần quan tâm đến phong trào hoặc hoạt động mà bạn đề cập? Nó có tầm quan trọng và tính cấp thiết như thế nào? Làm thế nào để thuyết phục mọi người tin điều đó? - Đối tượng mà bài viết hướng đến cần phải làm gì để hưởng ứng hoặc đáp lại lời kêu gọi của bạn? - Những lí lẽ và bằng chứng nào cần được huy động?(bằng chứng lấy từ sự việc thực tế mà người viết chứng kiến; bằng chứng lấy từ các nghiên cứu khoa học; bằng chứng dựa trên niềm tin được Công nhận rộng rãi; bằng chứng dựa trên ý kiến của chuyên gia; bằng chứng lấy từ số liệu thống kê, thông tin được lượng hoá,. Các bằng chứng cần sát hợp, đáng tin cậy và được lấy từ nhiều nguồn khác nhau để lí lẽ của bạn có sức thuyết phục) - Liệu có ý kiến nào trái ngược với quan điểm mà bạn nêu ra hay không? Có thể phản bác ý kiến đó như thế nào? - Những yếu tố hỗ trợ nào (thuyết minh, biểu cảm,...cần được sử dụng để tăng cường sức thuyết phục cho bài viết? b. Lập dàn ý <table border="1" data-bbox="755 1711 1437 1860"> <tr> <td data-bbox="755 1711 901 1860">Mở bài</td><td data-bbox="901 1711 1437 1860">Nêu phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết hưởng ứng hoặc muốn phát động và nói rõ</td></tr> </table>	Mở bài	Nêu phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết hưởng ứng hoặc muốn phát động và nói rõ
Mở bài	Nêu phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết hưởng ứng hoặc muốn phát động và nói rõ		

		tầm quan trọng, tính cấp bách của nó.
	Thân bài	- Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc. - Nêu được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận. - Sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm,...
	Kết bài	Thể hiện thông điệp (hưởng ứng hoặc kêu gọi) dưới dạng những câu nói ngắn gọn và mạnh mẽ, thúc giục người tiếp nhận thay đổi nhận thức hoặc có hành động đáp ứng phù hợp.
3. Viết - Bài phát biểu trong một buổi lễ phát động đòi hỏi tính hùng biện cao, vì vậy, cần có cách mở đầu thu hút được sự chú ý của người đọc. + Cách thông dụng là mở đầu bằng việc đặt một câu hỏi nêu vấn đề, kể một mẩu chuyện để dẫn dắt vào vấn đề hoặc đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê. Để thông điệp không bị bỏ qua hay lãng quên, cần có kết bài gây ấn tượng đối với người đọc. - Chú ý điều tiết nhằm đảm bảo nội dung vừa đủ, phù hợp với thời gian để đọc trước công chúng (nếu bài phát biểu được đọc trong một buổi lễ) hoặc duy trì được hứng thú của người đọc (nếu bài phát biểu được phổ biến dưới hình thức văn bản viết).		

	- Ngôn ngữ sử dụng trong bài (bao gồm cả cách xưng hô) cần phù hợp với mục đích và đối tượng mà bạn muốn kêu gọi. Việc dùng một số câu khiến có thể phù hợp trong bài phát biểu, góp phần làm cho lời kêu gọi trở nên mạnh mẽ. 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện - Rà soát cấu trúc và nội dung chung của văn bản; đảm bảo bài viết có đủ ba phần, mỗi phần đều được triển khai đáp ứng yêu cầu đã được nêu trong dàn ý và trong phần Viết. - Kiểm tra hệ thống lí lẽ, bằng chứng để đáp ứng yêu cầu chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. - Xem xét phong cách văn bản để đảm bảo tính trang trọng, có cách xưng hô phù hợp với vị thế của người viết trong quan hệ với đối tượng tiếp nhận; tránh những lời kêu gọi đại ngôn hoặc cách nói sáo rỗng, cũ mòn. - Rà soát lỗi chính tả, dùng từ ngữ, đặt câu; lỗi về mạch lạc và liên kết trong mỗi đoạn văn và giữa các đoạn văn.
--	--

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Chia lớp thành 2 nhóm Thực hiện yêu cầu: Viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào Học sinh làm theo lời Bác	Gợi ý: Học sinh làm theo lời Bác - Tầm quan trọng, tính cấp bách của việc làm theo lời Bác

Nhóm 1: Về đức tính khiêm tốn của Bác Nhóm 2: Về Tinh thần tự học của Bác Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS hoàn thành bài tập nhóm ở nhà. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Báo cáo vào tiết học ôn tập buổi chiều. Bước 4. Đánh giá kết quả Gv đánh giá và hướng dẫn HS đánh giá thông qua bảng kiểm	- Học và làm theo lời Bác đem lại những giá trị to lớn cho mỗi cá nhân, cộng đồng.... - Ra lời kêu gọi
--	--

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Sưu tầm các bài viết: bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội của các nhân vật nổi tiếng để học tập cách viết
 - Tự chọn một phong trào, một hoạt động xã hội mà em yêu thích sau đó viết bài phát biểu
 - **Chuẩn bị bài:** Hướng dẫn HS chuẩn bị bài: THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC
- TÀI LIỆU THAM KHẢO**
- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
 - Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
 - Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
 - Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

Tiết:... NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực. Giúp HS:

- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

- Biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề vấn đề có liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

- Biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS xem video sau:

<https://youtu.be/S37XLW48kq8>

và chia sẻ:

1. Video đề cập đến vấn đề gì?
2. Theo vi deo, vấn đề ấy tác động như thế nào đến con người?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS chia sẻ, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

1. Video nói về vấn đề: Robot và trí tuệ nhân tạo (AI) có thể thay thế con người.
2. Theo video, AI có ứng dụng vào đời sống vô cùng quan trọng; đe dọa vị trí việc làm của người lao động.

GV dẫn dắt vào bài: Robot và trí tuệ nhân tạo (AI) là một bước tiến lớn của loài người trong lĩnh vực công nghệ. Bên cạnh những cơ hội tuyệt vời mà nó đem lại là những thách thức không hề đơn giản. Nhưng đó chỉ là một trong vô vàn những vấn đề đặt ra với tuổi trẻ khi đứng trước những cơ hội và thách thức của đất nước. Để thuyết trình về một vấn đề đó, các em cần làm thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe.
- c. Sản phẩm:** Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Đọc SGK tr122, trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - <i>Thế nào là thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước?</i> - <i>Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước cần đảm bảo những yêu cầu gì?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	1. Định hướng * Khái niệm: - Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước là trình bày những suy nghĩ, quan điểm, đánh giá của người nói về một vấn đề có ý nghĩa thời sự đối với sự phát triển của đất nước. - Ví dụ: cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo,... * Yêu cầu: - Nêu được vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. - Trình bày rõ vấn đề trên cả hai phương diện (cơ hội và thách thức), thể hiện được mối quan hệ qua lại giữa cơ hội và thách thức: trong cơ hội có thể có thách thức, trong thách thức có thể có cơ hội; sử dụng hiệu quả các lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho mỗi phương diện.

	- Đề xuất được giải pháp để tăng cường cơ hội, vượt qua thách thức, góp phần đưa đất nước phát triển. - Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình: nâng cao nhận thức của mỗi người về những vấn đề có liên quan đến sự phát triển của đất nước.
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước tiến hành trình bày báo cáo Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Trao đổi trong bàn, thực hiện các nhiệm vụ sau: <i>(1) Nêu các bước tiến hành thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.</i> <i>(2) Hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà thành thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước và trình bày trước lớp.</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	2. Thực hành 2.1. Bước 1: Chuẩn bị nói a. Lựa chọn đề tài Bạn cần lựa chọn một vấn đề thực sự có ý nghĩa đối với đất nước trong bối cảnh hiện nay, chẳng hạn: Vấn đề sản xuất nông sản sạch; Phát triển du lịch bền vững; Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào một số lĩnh vực đời sống; Tác động của quá trình đô thị hoá,.. b. Tìm ý và sắp xếp ý Nêu một số câu hỏi đi sâu vào các mặt của vấn đề: - Bản chất của vấn đề là gì? - Vấn đề mang lại cơ hội hay đặt ra thách thức cho đất nước hoặc có tác động trên cả hai phương diện? - Hai phương diện đó (cơ hội và thách thức) cần được trình bày như thế nào? Những lí lẽ, bằng chứng nào có thể dùng để chứng minh? - Cần làm gì để phát huy cơ hội và vượt qua thách thức mà vấn đề đặt ra? 2.2. Bước 2. Thực hành nói

	Mở đầu	Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. Việc giới thiệu vấn đề để thuyết trình có thể thực hiện bằng nhiều cách: kể một câu chuyện nhỏ, tóm lược một bản tin thời sự, đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê, đưa ra một bức tranh hoặc bức ảnh có tính chất gợi dẫn về vấn đề,...
	Triển khai	+ Nêu khái quát bản chất của vấn đề và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn đề đối với đất nước. + Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn đề. Tùy thuộc vào từng vấn đề cụ thể mà các ý nói về tác động tích cực hay tiêu cực được nhấn mạnh hơn. Trên thực tế, ít có vấn đề chỉ mang lại cơ hội hoặc chỉ đặt ra thách thức: trong cơ hội có thách thức, trong thách thức có cơ hội. + Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe nắm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề.

	<table border="1" data-bbox="776 193 1421 289"> <tr> <td data-bbox="776 193 945 289">Kết luận</td><td data-bbox="945 193 1421 289">Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.</td></tr> </table> 2.3. Bước 3. Trao đổi, đánh giá - Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề thuyết trình, độ chính xác của các thông tin; tính thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng: cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có nội dung nào chưa rõ, có thể yêu cầu người nói giải thích thêm. - Người nói cần làm rõ một số chi tiết trong bài nói theo yêu cầu của người nghe, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình. 3. Thực hành trình bày Bài tập: Em hãy thuyết trình về vấn đề: <i>Lẽ sống của tuổi trẻ đối với cơ hội, thách thức của đất nước.</i> Gợi ý: a. Mở đầu: - Lời chào, giới thiệu bản thân. - Nêu vấn đề trình bày: <i>Lẽ sống của tuổi trẻ đối với cơ hội, thách thức của đất nước.</i> b. Triển khai: - Có những thách thức nào đối với sự phát triển của đất nước nếu những người trẻ xác định không đúng lẽ sống của mình? Vì sao? - Cần làm gì (giải pháp, biện pháp nào) để xác định đúng lẽ sống của mình, vừa lập thân, vừa kiến quốc? c. Kết thúc: Khẳng định lại vấn đề và nêu vấn đề cần thảo luận (nếu có).	Kết luận	Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.
Kết luận	Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.		

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI
NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

ST T	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
BÀI THUYẾT TRÌNH			
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
QUÁ TRÌNH NÓI			
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	ĐÁNH GIÁ CHUNG - Những thành công và hạn chế của bài thuyết trình: - Hướng khắc phục, sửa chữa:		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE
NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
4	KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		

	 - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về một vấn đề của tuổi trẻ có liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước?
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

b. Nội dung: HS thuyết trình vấn đề đã chuẩn bị. HS khác lắng nghe, trao đổi.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 2 nhóm.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước

Nhóm 1: Thuyết trình về: Hội nhập văn hóa

Nhóm 2: Thuyết trình về: Phát triển du lịch bền vững

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập trên lớp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm trình bày và nhóm khác nhận xét bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận xét

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

b. Nội dung: Sáng tác video thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước (chủ đề tự chọn).

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

- + Hình thức: Quay video.
- + Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.
- + Chấm điểm: Theo lượt chia sẻ, bình luận và yêu thích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Tự thực hành nói: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- **Chuẩn bị bài:** Tự đánh giá đọc văn bản *Khúc đồng quê* (Đặng Thị Hạnh)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
Tiết:Thực hành đọc:

***Khúc đồng quê* (Trích *Cô bé nhìn mưa*- Đặng Thị Hạnh)**

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Năng lực tự học
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ phần Tự đánh giá cuối bài học.

2. Phẩm chất: Có ý thức tự học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- PHT của HS.
- SGK *Ngữ văn 12 KNTT*, tập 2.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Lớp trưởng báo cáo việc soạn bài của các thành viên trong lớp.

GIÁO ÁN NGỮ VĂN KNTT 12 – HKII

- GV dành 5 phút để HS trao đổi theo cặp với bạn cùng bàn sản phẩm học tập đã chuẩn bị trước ở nhà.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ: HS báo cáo phần trả lời các câu hỏi / SGK/trang 124)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận:

- HS trình bày báo cáo sản phẩm học tập đã chuẩn bị trước lớp (trả lời miệng).

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận.

- Định hướng tham khảo sau:

Nội dung chính: Từ dòng sông, cánh đồng, mái nhà, đến hình ảnh của người mẹ, tác giả tái hiện lại một không gian quê thanh bình và yên tĩnh.	
1. Phân tích giọng điệu của người trần thuật xưng "tôi" và mạch liên kết các sự kiện.	- Sử dụng giọng điệu trần thuật: Tác giả lựa chọn việc sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ những trải nghiệm, cảm xúc cá nhân, tạo nên sự gần gũi và thân thuộc với độc giả. - Triển khai mạch liên kết các sự kiện theo dòng hồi tưởng: Tác giả tái hiện lại những kí ức và trải nghiệm từ quá khứ, phác họa hình ảnh về những ngày tháng tuổi trẻ tại quê hương thông qua việc kể lại những sự kiện và suy nghĩ trong sáng của mình.
2. Chú ý đến sức gọi của những chi tiết dệt nên "khúc đồng quê" của kí ức.	Đoạn văn mô tả về sự gắn bó mạnh mẽ của nhân vật với quê hương thông qua những hình ảnh và kí ức tuổi thơ. Từ dòng sông, cánh đồng, mái nhà, đến hình ảnh của người mẹ, tác giả tái hiện lại một không gian quê thanh bình và yên tĩnh. Những kỷ niệm về tuổi trẻ và những cảm xúc gần gũi đó đã tạo nên một "khúc đồng quê" đẹp đẽ trong ký ức của nhân vật.
3. Hiểu được giá trị, ý nghĩa của văn chương trong việc làm giàu nội tâm, nuôi dưỡng không gian tinh thần	Từ đoạn trích, ta nhận thấy văn chương đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần làm sạch và bảo tồn những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Như Thạch Lam đã một lần nói, văn chương không chỉ là phương tiện để truyền đạt thông tin mà còn là công cụ để tổ cáo và thay đổi thế giới. Thông qua ngôn từ, văn chương phản ánh sự đa dạng và phong phú của cuộc sống, đồng thời ghi lại những dấu vết quan trọng của lịch sử và văn hóa. Nó cũng dạy cho chúng ta cách quý trọng những giá trị gần gũi như quê hương, gia đình và đồng thời khơi dậy sức sáng tạo, ước mơ. Văn chương không chỉ

riêng ở mỗi con người.	mở ra một tương lai tươi sáng mà còn làm giàu tâm hồn, tạo sự ấm áp và hướng con người đến những mục tiêu cao cả. Với con người, văn chương không chỉ là một phương tiện giải trí mà còn là một người bạn đồng hành, giúp họ làm sạch tâm hồn và tăng cao giá trị của cuộc sống.
-------------------------------	--

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Liên hệ mối quan hệ giữa văn học và cuộc đời. Tìm đọc các tác phẩm văn học và tự liên hệ rút ra bài học cho bản thân.

- **Chuẩn bị bài:** ôn tập học kì II

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 tập 2 KNTT

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....